

Số: /2024/QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định một số nội dung về tiêu chuẩn, tuyển dụng, quản lý cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ Quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ Quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 28/TTr-SNV ngày 12 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về tiêu chuẩn, tuyển dụng, quản lý cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2024.

Quyết định này thay thế Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định tiêu chuẩn, quy trình tuyển chọn và bố trí kiêm nhiệm người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 38/2020/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định tiêu chuẩn, tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp luật (Văn phòng Chính phủ);
- Vụ Pháp chế (Bộ Nội vụ);
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, các cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan TW trên địa bàn tỉnh;
- VPUBND tỉnh:
- + LĐVP, các phòng, đơn vị;
- + Trung tâm thông tin;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ánh Dương

QUY ĐỊNH

Một số nội dung về tiêu chuẩn, tuyển dụng, quản lý cán bộ,
công chức và người hoạt động không chuyên trách ở xã,
phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND
ngày tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh Bắc Giang)

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về tiêu chuẩn, tuyển dụng, phân cấp quản lý cán bộ, công chức và quản lý, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức cấp xã có chức vụ, chức danh quy định tại Điều 5 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã (viết tắt là người HĐKCT ở cấp xã) có chức danh quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 81/2023/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh quy định một số nội dung liên quan đến người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tiêu chuẩn, tuyển dụng, phân cấp quản lý cán bộ, công chức và quản lý, sử dụng người HĐKCT ở cấp xã.

Chương II**TIÊU CHUẨN CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ; TUYỂN DỤNG
CÔNG CHỨC CẤP XÃ; PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ****Mục 1****TIÊU CHUẨN CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ****Điều 3. Tiêu chuẩn cụ thể cán bộ, công chức cấp xã**

1. Độ tuổi:

a) Đối với cán bộ cấp xã:

Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND; Chủ tịch, Phó

Chủ tịch UBND thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP;

Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam cấp xã thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

b) Đối với công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

2. Trình độ giáo dục phổ thông: Tốt nghiệp trung học phổ thông.

3. Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học trở lên; Riêng chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã: Tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở trở lên và đại học chuyên ngành khác hoặc cao đẳng ngành quân sự cơ sở trở lên; chức vụ Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam cấp xã thực hiện theo quy định của điều lệ, hướng dẫn tại kỳ đại hội của Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

4. Trình độ lý luận chính trị

Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP;

Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam cấp xã thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

Điều 4. Tiêu chuẩn ngành đào tạo đối với công chức cấp xã

1. Ngành đào tạo đối với công chức cấp xã phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã:

a) Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã: Quân sự cơ sở;

b) Văn phòng - thống kê: Quản trị văn phòng; Văn thư - lưu trữ; Hành chính văn thư; Lưu trữ học và quản trị văn phòng; Luật; Hành chính; Nội vụ; Thống kê; Thống kê kinh tế - xã hội; Công nghệ thông tin; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Quản lý hành chính công; Quản lý công; Chính sách công; Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; Kinh tế; Quản lý Kinh tế;

c) Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn): Địa chính; Địa chính môi trường; Quản lý đất đai; Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ; Kỹ thuật công trình xây dựng; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Kỹ thuật xây dựng; Xây dựng cầu đường; Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Xây dựng cấp thoát nước; Quản lý xây dựng; Quản lý đô thị; Quy hoạch vùng và đô thị; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý Tài nguyên môi trường;

Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã): có ngành đào tạo quy định ở chức danh công chức Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường quy định tại khoản này và ngành: Nông học; Khuyến nông - khuyến lâm; Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Quản lý kinh tế nông nghiệp; Kinh tế nông nghiệp; Kinh tế hạ tầng và phát triển nông thôn;

d) Tài chính - kế toán: Tài chính; Kế toán; Tài chính - ngân hàng; Tài chính công; Kế toán - kiểm toán;

đ) Tư pháp - hộ tịch: Luật;

e) Văn hóa - xã hội: Văn hóa; Văn hóa - thông tin; Quản lý văn hóa; Văn hóa quần chúng; Quản lý thể dục, thể thao; Việt Nam học; Văn hóa du lịch; Công tác xã hội; Quản lý lao động tiền lương và bảo trợ xã hội; Bảo hiểm; Quản lý xã hội; Xã hội học; Quản trị nhân lực; Luật và các ngành quy định tại điểm d khoản này.

2. Tiêu chuẩn ngành đào tạo căn cứ bằng tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, không phân biệt loại hình đào tạo, trường công lập hay ngoài công lập.

Mục 2

TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 5. Tuyển dụng công chức cấp xã

1. Căn cứ tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

2. Điều kiện đăng ký dự tuyển và ưu tiên trong tuyển dụng

a) Điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, khoản 2 Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP và đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 3 và Điều 4 Quy định này;

b) Ưu tiên trong tuyển dụng: Đối tượng và điểm ưu tiên trong tuyển dụng thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP và khoản 3 Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

3. Hội đồng tuyển dụng

a) Thành phần, nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng tuyển dụng thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP;

b) Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của thành viên tham gia Hội đồng tuyển dụng và các bộ phận giúp việc của Hội đồng tuyển dụng; nội quy thi tuyển, xét tuyển, quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

4. Hình thức, nội dung, thời gian thi tuyển công chức cấp xã và xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển dụng công chức cấp xã

a) Hình thức, nội dung, thời gian thi tuyển công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP, khoản 2 Điều 13 Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức và khoản 5 Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP;

b) Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

5. Đối tượng, nội dung, hình thức xét tuyển công chức cấp xã, xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức cấp xã

a) Đối tượng xét tuyển công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP và khoản 7 Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP;

b) Nội dung, hình thức xét tuyển công chức cấp xã và xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

6. Trình tự tuyển dụng công chức cấp xã

a) Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP;

b) Trình tự tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện quy định tại Điều 14 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP và khoản 2 Điều 13 Nghị định số 06/2023/NĐ-CP;

c) Thông báo kết quả tuyển dụng công chức cấp xã, hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng công chức cấp xã, quyết định tuyển dụng và nhận việc đối với công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 15, 16, 17 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

Điều 6. Tiếp nhận vào làm công chức cấp xã

1. Đối tượng tiếp nhận thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện tiếp nhận, hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận vào làm công chức cấp xã và Hội đồng kiểm tra, sát hạch thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

Mục 3

PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 7. UBND tỉnh phân cấp cho Sở Nội vụ

1. Hướng dẫn việc kiêm nhiệm các chức danh bảo đảm các lĩnh vực công tác ở địa phương đều có cán bộ, công chức đảm nhiệm; hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng nguồn kinh phí để thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã.

2. Hướng dẫn UBND cấp huyện việc tuyển dụng; phê duyệt kế hoạch tuyển dụng; kiểm tra tuyển dụng; hướng dẫn, kiểm tra UBND cấp huyện thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức cấp xã hàng năm.

3. Tổng hợp thống kê, báo cáo số lượng, chất lượng cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh.

4. Kiểm tra, thanh tra việc tổ chức thực hiện chế độ chính sách và hướng dẫn việc lập, quản lý hồ sơ đối với cán bộ, công chức cấp xã.

Chương III

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ

Điều 8. Quy trình tuyển chọn

1. Chức danh bầu cử thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

2. Chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

3. Các chức danh không thuộc khoản 1, 2 Điều này thực hiện tuyển chọn thông qua hình thức xét tuyển:

a) Chủ tịch UBND cấp xã ban hành kế hoạch tuyển chọn người HĐKCT ở cấp xã. Nội dung kế hoạch nêu rõ đối tượng, tiêu chuẩn, số lượng, thời gian tuyển chọn và công khai việc tuyển chọn trên các phương tiện thông tin của xã, phường, thị trấn;

b) Thành lập Hội đồng tuyển chọn

Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thành lập Hội đồng tuyển chọn để tuyển chọn người HĐKCT ở cấp xã. Hội đồng tuyển chọn có 05 hoặc 07 thành viên do Chủ tịch UBND cấp xã làm Chủ tịch Hội đồng tuyển chọn, gồm: Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy; Chủ tịch HĐND hoặc Phó Chủ tịch HĐND; Phó Chủ tịch UBND; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các thành viên khác do Chủ tịch UBND cấp xã lựa chọn;

c) Hội đồng tuyển chọn làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số, trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng tuyển chọn. Hội đồng tuyển chọn có nhiệm vụ, quyền hạn: Tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người HĐKCT ở cấp xã; kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển về tiêu chuẩn người HĐKCT ở cấp xã quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP. Trường hợp đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì người dự tuyển được tham dự vòng 2. Người dự tuyển được tham dự vòng 2 phải kiểm tra về kiến thức, kỹ năng thực thi công vụ theo hình thức phỏng vấn, thời gian phỏng vấn 30 phút, thang điểm phỏng vấn 100 điểm.

Xác định người được tuyển chọn thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

d) Căn cứ biên bản họp của Hội đồng tuyển chọn, Chủ tịch UBND cấp xã ký họp đồng đối với người HĐKCT ở cấp xã.

Điều 9. Xử lý kỷ luật

1. Hình thức kỷ luật người HĐKCT ở cấp xã thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

2. Đối với các chức danh bầu cử thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm d khoản 6 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

3. Đối với chức danh Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

4. Nội dung, quy trình xử lý kỷ luật đối với các chức danh không thuộc khoản 2, khoản 3 Điều này thực hiện như sau:

a) Tổ chức họp kiểm điểm thực hiện theo Điều 26 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức;

b) Thành lập Hội đồng kỷ luật

Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật. Hội đồng kỷ luật có 05 thành viên do Chủ tịch UBND cấp xã làm Chủ tịch Hội đồng, các thành viên khác gồm: Bí thư hoặc Phó Bí thư Đảng ủy; Phó Chủ tịch HĐND hoặc Phó Chủ tịch UBND; 01 đại diện cho người đứng đầu các tổ chức chính trị-xã hội cấp xã; 01 công chức Văn phòng-Thống kê kiêm thư ký Hội đồng;

Không được cử vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ; cha, mẹ (vợ hoặc chồng), cha nuôi, mẹ nuôi; con đẻ, con nuôi; anh, chị, em ruột; cô, dì, chú, bác, cậu ruột; anh, chị, em ruột của vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng của anh, chị, em ruột hoặc người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến hành vi vi phạm bị xem xét xử lý kỷ luật là thành viên Hội đồng kỷ luật;

c) Tổ chức họp Hội đồng kỷ luật thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 71/2023/NĐ-CP;

d) Quyết định kỷ luật

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp, Hội đồng kỷ luật phải có kiến nghị việc xử lý kỷ luật bằng văn bản (kèm theo biên bản họp Hội đồng kỷ luật và các giấy tờ liên quan) gửi Chủ tịch UBND cấp xã. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của Hội đồng kỷ luật, Chủ tịch UBND cấp xã quyết định kỷ luật hoặc kết luận người HĐKCT ở cấp xã không vi phạm. Quyết định kỷ luật của Chủ tịch UBND cấp xã được gửi đến Chủ tịch UBND cấp huyện và các cơ quan, tổ chức có liên quan để theo dõi.

5. Thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 71/2023/NĐ-CP.

Điều 10. Bãi nhiệm, miễn nhiệm và giải quyết thôi việc

Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Nội vụ chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp quy định tại Điều 7 Quy định này (không được phân cấp tiếp) và báo cáo kết quả thực hiện, nhiệm vụ được phân cấp khi UBND tỉnh yêu cầu.

2. UBND cấp huyện:

a) Căn cứ Quyết định giao biên chế của UBND tỉnh, nhu cầu tuyển dụng công chức cấp xã theo chức danh, vị trí việc làm xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã và tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định;

b) Xây dựng kế hoạch triển khai quy định về tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn; đăng ký với cơ quan có thẩm quyền cử cán bộ, công chức cấp xã đi đào tạo, bồi dưỡng theo quy định; xếp lương người được bầu lần đầu làm cán bộ cấp xã, xếp lương cán bộ, công chức cấp xã khi có thay đổi về trình độ đào tạo theo đúng tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 và Điều 4 Quy định này.

3. UBND cấp xã:

a) Rà soát, lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; quy hoạch tạo nguồn đối với công chức cấp xã;

b) Trực tiếp quản lý, sử dụng, thực hiện chế độ, chính sách và quyết định kiêm nhiệm chức danh người HĐKCT ở cấp xã bảo đảm không vượt quá số lượng người HĐKCT ở cấp xã và mức phụ cấp quy định.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Khi các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để hướng dẫn thực hiện hoặc xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.